

Số: 134/2025/QĐST-DS

K, ngày 27 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 7, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2025/TLST- DS, ngày 22/5/2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: Số Z L, phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông N C D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đ H L - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý

- Ông P T A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý

- Ông Đ T T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý

- Ông N M B - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp
Miền Bắc 1 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông L Đ L1 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp
Miền Bắc 2 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông V N Q - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng Cá nhân Miền
Bắc 1 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông N V Đ1 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng Cá nhân Miền
Bắc 2 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông N T Đ2 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp
Miền Nam - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông N N G - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp
Miền Bắc 3 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

- Ông C D T - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân Miền
Bắc 3 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ Pháp lý

(Theo văn bản ủy quyền số 16/415/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn: Công ty J.

Địa chỉ: Tầng X, Tòa nhà C số T phố K, phường Y, quận C, thành phố Hà
Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông H A T2 – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông P H M và ông V N D (theo Văn bản ủy
quyền số 10/2024/UQ-TGĐ, ngày 05/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông L P L và ông L A S
(theo Văn bản ủy quyền số 6206/2025/UQ-XLN-J, ngày 05/6/2025).

Bị đơn:

1. Ông N C Đ, sinh năm 1959.

2. Bà V T X, sinh năm 1966.

Cùng có địa chỉ: thôn A, xã P (trước là xã S), huyện K, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh N C L, sinh năm 1986

- Cháu N C B, sinh năm 2011

- Cháu N B L3, sinh năm 2013

- Cháu N C L4, sinh năm 2021

- Cháu N C P, sinh năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của cháu B, cháu L3, cháu L4 và cháu P là
anh N C L (là bố đẻ của các cháu).

- Cháu N C H, sinh năm 2007

Người đại diện theo pháp luật của cháu H là ông N C Đ và bà V T X (là bố,

mẹ đẻ của cháu H)

Cùng có địa chỉ: Thôn A, xã P (trước là xã S), huyện K, thành phố Hà Nội.

Điều ủy quyền cho ông N C L, sinh năm 1986; Địa chỉ: A, P, K, Hà Nội theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2025.

[2]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Các đương sự xác nhận:

- Ông N C Đ và vợ là bà V T X có ký với Ngân hàng V Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2311030764325 ngày 20/11/2023, Khế ước nhận nợ ngày 20/11/2023 và Hợp đồng thế chấp số công chứng 5139/2023; quyền số: 04 - 2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2023 tại Văn phòng công chứng N, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật điều hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

- Cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

- Ngày 29/5/2025, Ngân hàng V đã bán 95% khoản nợ của ông N C Đ và bà V T X phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2311030764325 ngày 20/11/2023 cho Công ty J theo Hợp đồng mua bán nợ số 21/2025/VPB-J ngày 29/5/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng V với Công ty J.

- Tạm tính đến hết ngày 19/6/2025, ông N C Đ và vợ là bà V T X còn nợ nguyên đơn – Ngân hàng V và người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là công ty Công ty J theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên tổng số tiền là: 3,611,621,022 đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc: 3,199,999,996 đồng, trong đó

Nợ gốc của công ty J là 3,039,999,996 đồng;

Nợ gốc của Ngân hàng V là 160,000,000 đồng.

+ Nợ lãi (trong hạn, quá hạn, chậm trả lãi): 411,621,026, trong đó:

Nợ lãi của công ty J là 391,039,974 đồng,

Nợ lãi của Ngân hàng V là 20,581,051 đồng.

Tổng: Nợ của công ty J là 3,431,039,970 đồng và nợ của Ngân hàng V là 180,581,051 đồng.

[2.2]. Phương thức thanh toán:

Bị đơn sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 19/6/2025 là 3,611,621,022 đồng cho công ty J và Ngân hàng V trong thời hạn từ 20/6/2025 đến hết ngày 01/8/2025, đồng thời bị đơn phải thanh toán lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2311030764325 ngày 20/11/2023 và Khế ước nhận nợ ngày 20/11/2023 kể từ ngày 20/6/2025 cho đến ngày thực tế thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Thứ tự thanh toán: Thanh toán toàn bộ nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Hình thức thanh toán: Thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản.

[2.2]. Khi ông N C Đ và vợ V T X thanh toán toàn bộ khoản nợ 3,611,621,022 đồng cho Ngân hàng V và công ty J theo đúng thỏa thuận thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ giải chấp tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5139/2023; quyền số: 04 - 2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2023 lập tại Văn phòng công chứng N cho ông N C Đ, đồng thời Ngân hàng V và công ty J có nghĩa vụ tất toán khoản nợ theo quy định của pháp luật cho ông N C Đ và bà V T X.

[2.3]. Trường hợp ông N C Đ và vợ V T X vi phạm thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng V và công ty J thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng V và công ty J theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5139/2023; quyền số: 04 - 2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2023 là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 88, diện tích 194,3m² địa chỉ: thôn A, xã S (nay là xã P), huyện K, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CX 062984 số vào sổ cấp GCN: CS-GL 23665 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/8/2020 cho ông N C Đ (diện tích đo thực tế là 224,7m²).

Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo kết quả đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp. Khi xử lý tài sản thế chấp, những người đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N C Đ và vợ V T X vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng V và công ty J. Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm có giá trị lớn hơn số tiền ông N C Đ và vợ V T X phải trả thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông N C Đ.

[2.5]. Về án phí: Ông N C Đ và vợ là bà V T X tự nguyện chịu cả án phí dân sự khi hòa giải thành là 52,116,210 đồng (nguyên đơn và bị đơn mỗi bên là 26,058,105 đồng).

Ông N C Đ đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí nhưng phải chịu án phí đối với phần án phí ông Đát tự nguyện chịu của nguyên đơn là 13,029,502 đồng. Bà V T X phải chịu 26,058,105 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49,580,000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0066082, ngày 21/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Đã giải quyết xong với nguyên đơn, nguyên đơn không còn ý kiến nào khác, không có yêu cầu gì.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[5]. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKND huyện K
- VKSND. TP Hà Nội
- TAND. TP Hà Nội
- Chi cục THADS huyện K
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu